



MỘT SỐ KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VỀ TÍN DỤNG “ĐEN”

ThS., LS. Lương Khải Ân *

Báo cáo của Cục Cảnh sát hình sự (C45) cho biết, từ năm 2010 đến nay, cả nước xảy ra trên 4.300 vụ việc liên quan đến tội phạm tín dụng “đen”, trong đó có 31 vụ giết người, 218 vụ cố ý gây thương tích, 689 vụ cưỡng đoạt tài sản, trên 1.000 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Không chỉ gây bất ổn về an ninh trật tự, tội phạm loại này còn gây thiệt hại lớn về kinh tế với hơn 100 vụ lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, tổng số tiền bị chiếm đoạt lên gần 4.500 tỉ đồng¹. Số liệu trên đã bộc lộ rõ những mặt trái của tín dụng “đen”, đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cấp thiết cần có biện pháp điều chỉnh bằng pháp luật. Bài viết này sẽ khái quát về bản chất, nhận diện và phân tích những hệ lụy của tín dụng “đen” đối với hoạt động tín dụng ngân hàng (TDNH) và xã hội. Qua đó, chúng tôi kiến nghị một số biện pháp chế tài nhằm hạn chế loại hình tín dụng nặng lãi, trái pháp luật này.

1. Bản chất của tín dụng “đen”

Hoạt động tín dụng dưới các hình thức TDNH, thương mại, huy động vốn,... nhằm hỗ trợ vốn tạm thời trong quá trình sản xuất và đời sống, theo nguyên tắc hoàn trả. Đây là những hình thức tín dụng được pháp luật thừa nhận, và là một phần không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế, xã hội.

Với bản chất pháp lý là những quan hệ mang tính chất dân sự hay kinh doanh, thương mại tùy vào đối tượng và mục đích sử dụng vốn, hoạt động tín dụng có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Song, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một hình thức tín dụng không được pháp luật thừa nhận và phát triển mạnh, thường được gọi là tín dụng nặng lãi hay còn gọi là tín dụng “đen”. Sự tồn tại của nó thực tế đã gây trở ngại lớn cho sự phát triển lành mạnh của các tổ chức tín dụng (TCTD), ngân hàng chuyên nghiệp, nằm ngoài sự kiểm soát của các cơ quan quản lý Nhà nước và hậu quả nghiêm trọng về trật tự xã hội.

Tín dụng “đen” nổi lên như một yêu cầu khách quan, xuất phát từ nhu cầu về vốn sử dụng tạm thời trong khoảng thời gian nhất định của các tổ chức, cá nhân. Quan hệ tín dụng “đen” được che đậy dưới hình thức hợp đồng vay mượn, hối, họ, cầm đồ... Đây là những giao dịch được pháp luật thừa nhận, quy định cụ thể trong Bộ luật dân sự (BLDS) hiện hành. Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ, chúng ta có thể nhận diện được đâu là những giao dịch tín dụng “đen” so với những giao dịch dân sự bình thường khác. Tín dụng “đen” được hiểu như thế nào? Bản chất của nó ra sao? Tuy thuật ngữ này được sử dụng rộng rãi, nhưng khoa học pháp lý vẫn chưa có khái niệm cụ thể. Có quan

điểm cho rằng: “*Tín dụng đen là cụm từ mà dân gian hay dùng để chỉ các dạng huy động và cho vay tín dụng không qua hệ thống ngân hàng, không đăng ký kinh doanh, cũng như chưa được cấp phép và chịu sự quản lý chính thức bởi bất cứ cơ quan quản lý Nhà nước hữu quan nào*”.

Theo chúng tôi, quan điểm trên chỉ khái quát phần nào mặt trái của tín dụng “đen”, một dạng tín dụng ngoài sự quản lý hay kiểm soát của Nhà nước, nhưng vẫn chưa lột tả hết bản chất thật sự của nó. Hoạt động tín dụng tại Việt Nam không chỉ độc quyền dành các TCTD, Ngân hàng mà đơn vị kinh tế, sự nghiệp, thậm chí là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi cũng có thể là chủ thể của quan hệ này. Bởi lẽ, hệ thống tín dụng ở nước ta có thể nói được phân làm 02 loại hình cơ bản, đó là tín dụng ngân hàng (TDNH) và tín dụng ngoài lĩnh vực ngân hàng được phân biệt dựa trên chủ thể quan hệ pháp luật. Theo đó, TDNH một bên phải là các TCTD, bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân (Khoản 1, Điều 4, Luật Các TCTD năm 2010). Các tổ chức này có tư cách pháp nhân, hoạt động kinh doanh tín dụng dưới sự quản lý của hệ thống Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và theo cơ chế điều chỉnh về lãi suất đặc thù.

* Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh



Quan hệ tín dụng “đen” được che đậy dưới hình thức hợp đồng vay mượn, hụi, họ, cầm đồ...

Về bản chất pháp lý, các nghiên cứu gần đây đều nghiêng về quan điểm cho rằng, các giao dịch tín dụng được thực hiện dưới hình thức hợp đồng vay tài sản (kể cả TDNH là một dạng đặc biệt của hợp đồng này) xuất phát từ bản chất chung nhất: nghĩa vụ hoàn trả của người đi vay (tài sản, tiền) cho người cho vay². Với mục đích tương trợ lẫn nhau nên theo chúng tôi, ngoài quan hệ vay mượn (Điều 471, BLDS 2005), các giao dịch hụi, họ, biếu, phưởng (còn gọi là hụi, quy định tại Điều 479, BLDS năm 2005) đều có thể phát sinh hình thức tín dụng “đen”. Qua thực tiễn, chúng tôi nhận thấy tín dụng “đen” thể hiện rõ ở những đặc điểm: (i) Quan hệ tín dụng trái pháp luật; (ii) Sự tín nhiệm, các bên thường có quen biết trong quan hệ xã hội hoặc kinh doanh trực tiếp với nhau; (iii) Lãi suất tín dụng “đen” cao hơn gấp nhiều lần so với quy định của pháp luật và có tính chất thường xuyên, bóc lột; (iv) Phương thức giao dịch và bảo đảm tài sản đơn giản; (v) Hoạt động của tín dụng “đen” nhiều rủi ro tiềm ẩn (vi) Các bên thường tự

giải quyết không đưa ra cơ quan tư pháp giải quyết, nhiều trường hợp tự giải quyết tranh chấp theo cách riêng của mình hậu quả đến trật tự an toàn xã hội (những vấn đề này chúng tôi sẽ phân tích rõ hơn trong phần nhận diện).

Để xử lý tín dụng “đen”, pháp luật hiện hành chưa có biện pháp chế tài hiệu quả. Duy chỉ có Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 quy định: “Tội cho vay nặng lãi” đối với những trường hợp cho vay với lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên và có tính chất chuyên bóc lột (Điều 163). Tuy nhiên, hiệu quả xử lý tội phạm chưa cao, nguyên nhân chủ quan là do các cơ quan pháp luật chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của tín dụng “đen”. Do đó, chế tài đối với những chủ thể tham gia tín dụng “đen” vẫn chưa nghiêm cả về biện pháp hành chính lẫn hình sự, nên giao dịch này vẫn phát triển mạnh như số liệu đã nêu.

2. Nhận diện các hình thức của tín dụng “đen”

Thứ nhất, với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, các

TCTD luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Để hạn chế rủi ro, đảm bảo lợi nhuận, hoạt động bền vững theo xu thế hội nhập và hoàn trả tiền gửi của khách hàng, các TCTD thường xây dựng quy trình cho vay chặt chẽ, từ khâu lập hồ sơ tín dụng, quyết định cho vay, giải ngân, kiểm tra và giám sát vốn vay, xử lý tài sản bảo đảm... Quy trình này được xây dựng trên cơ sở Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (đã được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005) của NHNN. Chính những quy định ràng buộc rõ ràng trách nhiệm các bên trong quan hệ tín dụng nên khả năng tiếp cận vốn vay từ các ngân hàng phải tôn trọng các nguyên tắc nhất định. Hiện nay, các NHTM còn thực hiện quy trình đánh giá xếp hạng tín nhiệm khách hàng, có thể về thực tế tiêu chuẩn xếp hạng chưa phù hợp, làm loại bỏ khách hàng có tiềm năng... Điều này làm cho không phải khách hàng nào cũng “dễ dàng” vay được vốn từ hệ thống ngân hàng. Để giải quyết bài toán về vốn, họ chủ động tìm đến tín dụng “đen”, nguyên do thủ tục cho vay đơn giản, linh hoạt; việc thế chấp, công chứng thẩm định... tất cả chỉ là sự ước lượng, cảm tính. Đôi khi giữa các bên chỉ cần trao đổi, viết giấy vay tiền và giao giấy tờ nhà đất (hoặc các tài sản bảo đảm khác) với thời gian khoảng 15 - 30 phút là giao dịch hoàn thành, sau đó các bên tự thực hiện những nội dung đã thỏa thuận ghi trong giấy vay. Có thể nói đây là “ưu điểm” lớn nhất của hoạt động tín dụng “đen”. Mặc dù hiện nay, các ngân hàng đã cải cách nhiều về thủ tục; mở nhiều chi nhánh, phòng giao dịch; đa dạng hình thức cho vay



hơn, kể cả cho vay tín chấp nhưng vẫn không đáp ứng một cách “dễ dàng” mọi nhu cầu tín dụng, nhất là trong điều kiện kinh tế nhiều biến động, các TCTD càng siết chặt tín dụng, đặt ra những điều kiện, thủ tục cho vay khắt khe hơn.

Thứ hai, vấn đề lãi suất cao, còn gọi là nặng lãi. Cơ chế lãi suất tín dụng hiện nay được thực hiện theo hướng tách lãi suất TDNH và lãi suất cơ bản vừa đảm bảo NHNN điều hành, thực thi chính sách tiền tệ, vừa có cơ sở cho các giao dịch dân sự và chống cho vay nặng lãi. Theo đó, lãi suất cho vay trong lĩnh vực TDNH được thực hiện theo cơ chế lãi suất thỏa thuận với khách hàng (Điều 91, Luật Các TCTD năm 2010) và có sự định hướng để bảo đảm quản lý Nhà nước thông qua các biện pháp hành chính... Lãi suất giao dịch ngoài ngân hàng dựa vào lãi suất cơ bản do NHNN ấn định trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật (Điều 476 BLDS), hiện nay mức lãi suất này là 9%/năm. Đối với lãi suất quá hạn (lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đều áp dụng chung lãi suất 150% lãi suất cho vay hợp pháp theo Khoản 2, Điều 11 Quy chế cho vay kèm theo Quyết định 16 và Khoản 5 và Điều 474, BLDS năm 2005). Giao dịch tín dụng “đen” thường không áp dụng lãi suất quá hạn 150% lãi suất thỏa thuận mà chỉ áp dụng mức lãi suất duy nhất căn cứ vào thời hạn vay, số tiền vay và nhu cầu cấp thiết của người đi vay. Thông thường cho vay tín dụng “đen” phân chia làm các hình thức vay: vay nóng (thời hạn vay ngắn, thường tính bằng ngày) và vay nguội (thời hạn vay dài, tính bằng tháng, quý, năm). Đối với giao dịch về hui, cũng phân chia thành hình thức tương ứng tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa các bên. Thông thường vay nguội, lãi

suất từ 03-5%/tháng (tùy thuộc vào số tiền vay nhiều hay ít), còn vay nóng thì lãi suất từ 7-10%/tháng. Cá biệt có trường hợp cho vay với lãi suất, theo quảng cáo là thấp chỉ 1.500 đồng cho khoản vay 1 triệu đồng/1 ngày nhưng thực ra lên đến gần 55%/năm như báo chí đã phản ánh³. Lãi suất tín dụng “đen” cao hơn rất nhiều lần so với lãi suất cơ bản, cũng như lãi suất cho vay trong lĩnh vực ngân hàng. Đây là điểm phân biệt rõ nhất của hình thức tín dụng này, bởi suy cho cùng bản chất của tín dụng “đen” là tín dụng nặng lãi. Với mức lãi suất cao, thông thường người đi vay nếu chậm hoàn trả tiền vay và lãi suất họ thường tìm cách vay mượn ở nơi khác bù đắp, làm hình thành quan hệ tín dụng trái pháp luật có tính hệ thống, mà khi đổ vỡ sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nhiều người.

Thứ ba, về bảo đảm tín dụng, các TCTD luôn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tín dụng và các biện pháp bảo đảm khác quy định tại Điều 318 BLDS, Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm đáp ứng yêu cầu về trình tự về thủ tục, hình thức và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Đối với tín dụng “đen”, các bên cho vay dựa trên cơ sở tín nhiệm nên phần lớn đều không làm thủ tục bảo đảm hợp đồng đúng như nội dung các bên đã giao kết. Thông thường, ngay sau khi ký hợp đồng vay bằng “giấy tay”, các bên bàn giao giấy tờ nhà đất, ô tô và các tài sản khác. Sau khi thanh toán hết tiền vay và lãi suất, các bên tiến hành giao trả giấy tờ, tài sản đã nhận. Tuy nhiên, ngày nay các “băng nhóm” hoạt động tín dụng “đen” sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi hơn để che mắt pháp luật và hạn chế rủi ro sau này.

Thông thường trước khi cho vay, các “băng nhóm” tín dụng yêu cầu ký hợp đồng ủy quyền, góp vốn, mua bán nhà có thời hạn giao nhà phù hợp với thời hạn cho vay. Hết thời hạn đó, nếu không trả tiền vay hai bên xem như mua bán nhà và tiến hành làm thủ tục đăng bộ sang tên chủ quyền nhà.

Sau đây là ví dụ điển hình: Trong vụ án: “*Tranh chấp quyền sở hữu nhà*” giữa bà Trần Thị C với bà Tôn Nữ Khánh T đối với căn nhà 2761 Phạm Thế Hiển phường 7, Quận 8, TP HCM. Theo bà C, vì cần tiền đảo hạn ngân hàng nên bà đã vay của bà T số tiền 2.374.000.000 đồng. Sau khi cộng chi phí và lãi suất hai bên thống nhất ghi số tiền phải trả là 2.700.000.000 đồng. Thay vì ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản đúng như nội dung giao dịch, ngày 19/10/2010 bà T yêu cầu bà C ký hợp đồng mua bán nhà tại Phòng Công chứng với giá tiền là 2.700.000.000 đồng (giá trị căn nhà theo thẩm định của Ngân hàng là 4.328.000.000 đồng) và thời gian giao nhà 03 tháng. Trong thời gian này, bà C làm thủ tục vay lấy tiền trả bà T và đến ngày 09/11/2010 Ngân hàng TMCP Đại Dương có thông báo chấp thuận cho vay. Bà C liên hệ bà T lấy lại giấy tờ nhà đất để thế chấp ngân hàng thì bà T tránh né. Sau đó, bà T làm thủ tục sang tên nhà đứng tên bà T và khởi kiện buộc bà C giao trả căn nhà 2761 Phạm Thế Hiển với lý do bà T đã mua căn nhà này. Vụ án trên đều được hai cấp Tòa án xét xử công nhận quyền sở hữu căn nhà 2761 Phạm Thế Hiển của bà T⁴. Vấn đề pháp lý đặt ra ở đây là nếu đúng như trình bày của bà C thì hợp đồng mua bán nhà trong trường hợp này là hợp đồng giả cách, nhằm che giấu bản chất giao dịch vay mượn để đảo hạn ngân hàng. Tuy nhiên,



bà C không chứng minh được số tiền gốc, tiền lãi và chi phí thực tế của việc vay mượn cụ thể nên dẫn đến hậu quả pháp lý như trên, gây thiệt hại rất lớn cho bà. Việc cộng tiền lãi (thông thường cao hơn rất nhiều so với quy định của pháp luật) vào tiền vay sau đó yêu cầu bên vay xác nhận tiền gốc cũng là phương thức lách luật phổ biến hiện nay của các băng nhóm tín dụng đen nhằm tránh sự trừng phạt của pháp luật.

Thứ tư, Nếu như việc giải quyết tranh chấp trong TDNH thông thường được giải quyết bằng các phương án cơ cấu, sắp xếp, khoan nợ, gia hạn thời gian thanh toán nợ hoặc khởi kiện ra Tòa án. Khoa học pháp lý gọi đây là những giải pháp thương lượng hoặc xử lý tranh chấp bằng biện pháp tư pháp. Các phương án này thường kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp từ 06 tháng đến 01 năm, có trường hợp kéo dài nhiều năm (do có yếu tố nước ngoài hoặc tranh chấp quyền sở hữu tài sản chung được thế chấp...) tùy theo tính chất, mức độ phức tạp của từng vụ việc và ý thức thái độ của các bên. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, trường hợp Tòa án phát hiện việc cho vay lãi suất cao hơn so với quy định của pháp luật hoặc ký kết giao dịch trái pháp luật thì có quyền tuyên bố hủy bỏ giao dịch trái pháp luật hoặc điều chỉnh lại lãi suất cho đúng. Đối với những trường hợp có dấu hiệu tội phạm, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án (Điều 189, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005), chuyển hồ sơ sang cơ quan công an xử lý hình sự.

Hoạt động tín dụng “đen” diễn ra ngầm, không ồn ào, nên khi phát sinh tranh chấp, băng nhóm cho vay e ngại yêu cầu các cơ quan pháp luật can thiệp vì dễ phát hiện sai phạm và bị pháp luật

xử lý. Phần lớn họ thường sử dụng biện pháp đe dọa (kể cả dùng vũ lực khi cần thiết) để giải quyết, nhằm tạo áp lực đối với người đi vay. Chính vì cách giải quyết mang tính cá nhân, bột phát nên dẫn đến hậu quả khôn lường đối với trật tự an toàn xã hội. Thực tiễn cho thấy, hoạt động tín dụng “đen” thường gắn liền tội phạm lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và nhóm tội phạm trật tự xã hội như giết người, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng.

Thứ năm, tín dụng “đen” tồn tại còn do việc ngày càng phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, quy trình, thủ tục, quy định về vay vốn của các TCTD. Bên cạnh đó, cá biệt không loại trừ sự nhúng nhệch của các nhân viên tín dụng đã làm cho các khách hàng hạn chế khả năng tiếp cận loại hình tín dụng công khai, hợp pháp này.

Trong tình hình kinh tế có nhiều biến động hiện nay, nhu cầu sử dụng vốn để giải quyết hoạt động cá nhân hay sản xuất kinh doanh càng cao. Để đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, các TCTD thường siết chặt tín dụng, hạn chế cho vay. Điều này đã tạo điều kiện cho tín dụng “đen” càng phát triển. Dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng được xem một hình thức biến tướng của tín dụng “đen” tác động tiêu cực và trực tiếp đến hoạt động TDNH cũng chưa được NHNN quan tâm khuyến cáo.

3. Điều chỉnh bằng pháp luật đối với tín dụng trái luật hiện nay

Pháp luật điều chỉnh tín dụng “đen” có thể nói còn nhiều bất cập. BLDS có quy định cấm cho vay nặng lãi (Khoản 3, Điều 479 BLDS) nhưng không đặt ra bất kỳ biện pháp chế tài nào đối với hành vi này. Thực tiễn khi giải quyết tranh chấp án dân sự hoặc kinh doanh thương mại có liên quan

đến việc cho vay lãi suất cao, Tòa án chỉ điều chỉnh lại mức lãi suất cho đúng quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi của bên đi vay mà không có biện pháp chế tài nào khác.

Ví dụ: Ngày 05/8/2004 bà Phạm Thị H ký hợp đồng vay 1.342.350.000 đồng của ông Jung Young B với mức lãi suất là 1%/tháng. Trước đó, các bên đã giao nhận tiền từ ngày 25/5/2004. Ngày 27/8/2004 bà H đã trả 141.867.000 đồng tiền lãi hai tháng theo mức lãi hai bên thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Từ đó bà H không tiếp tục trả vốn và lãi nên ông B đã khởi kiện ra Tòa án, Tòa tuyên buộc bà H phải trả cho ông B số tiền gốc và tiền lãi là 1.625.387.085 đồng. Vấn đề pháp lý đặt ra là: Tuy thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nhưng thực tế các bên có thỏa thuận miệng mức lãi 5%/tháng và bà H đã thanh toán trong hai tháng đầu 141.867.000 tiền lãi là trái với quy định của pháp luật. Số tiền lãi vượt quá quy định, Tòa án trừ vào tiền gốc và tính lại số tiền phải trả cho đúng.

Về hình sự, như đã nói ở trên pháp luật có quy định “*Tội cho vay nặng lãi*” đối với những giao dịch có lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên có tính chất chuyên bóc lột (Khoản 1, Điều 163 Bộ luật Hình sự - BLHS). Về mặt khách thể, đây là tội phạm xâm phạm quy định về tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại lợi ích người đi vay. Tội phạm thể hiện ở hành vi cho vay lấy lãi suất cao so với mức quy định của Nhà nước, có tính chất chuyên bóc lột, tức có tính chất thường xuyên, làm nguồn sống... Tuy nhiên, thực tế cho thấy quy định này chưa được cụ thể, rõ ràng. Khái niệm về tính chất chuyên bóc lột vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau nên hiệu



quả đấu tranh phòng ngừa tín dụng “đen” không cao. Bên cạnh đó, quan điểm của các nhà làm luật cho rằng tội phạm cho vay nặng lãi gây nguy hại không lớn, hình phạt đối với tội phạm này chỉ dừng lại ở mức độ ít nghiêm trọng có mức hình phạt tối đa 03 năm tù (Điều 8, BLHS) là chưa đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm để có biện pháp xử lý thích đáng, đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa tội phạm. Thực tiễn cho thấy, các Tòa án rất ít khi xử lý tội phạm cho vay nặng lãi. Việc xử lý nếu có chỉ khi cơ quan điều tra phát hiện trong quá trình điều tra xử lý tội danh khác. Bởi lẽ, ranh giới giữa quan hệ dân sự vay mượn và hành vi phạm tội cho vay nặng lãi rất mong manh, nhiều trường hợp nếu không điều tra thấu đáo có thể dẫn đến tình trạng hình sự hóa quan hệ dân sự như dư luận phản ánh.

Trong khi đó các biện pháp chế tài về hành chính, theo chúng tôi là biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế tín dụng “đen” thì gần như bỏ ngõ. Pháp luật hành chính hiện hành quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng áp dụng cho các TCTD (Nghị định 202/2004/NĐ-CP) và an ninh trật tự, an toàn xã hội (Nghị định 73/2010/NĐ-CP) lại không chế tài đối với hành vi cho vay nặng lãi.

4. Khuyến nghị

Tín dụng “đen” hiện nay không chỉ hoành hành Việt Nam mà cả trên thế giới (các nước có nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu, Trung Quốc cũng gặp tình trạng này), gây mất bình ổn tài chính và tạo ra những giao dịch trái pháp luật. Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay vẫn chưa có một cơ chế pháp lý chế tài hữu hiệu để trấn áp và giải quyết các vấn đề phát sinh từ tín dụng “đen”. Dưới góc độ quản lý vĩ mô,

điều này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Cơ quan Nhà nước sẽ không thực hiện được những mục tiêu về quản lý tài chính,... Qua bài viết này, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp nhằm chế tài, hạn chế tín dụng “đen” như sau:

- Về quản lý Nhà nước, NHNN cần hướng dẫn cải cách thủ tục lập hồ sơ tín dụng theo hướng đơn giản hơn, tạo điều kiện cho khách hàng nhanh chóng tiếp cận vốn; Đối với khách hàng tín nhiệm cao, đã được cấp tín dụng trước đó chỉ cần có tài sản đảm bảo thì có thể xem xét tiếp tục cấp tín dụng; Chế tài bằng biện pháp hành chính đối với TCTD không cấp tín dụng cho khách hàng khi đáp ứng điều kiện tín dụng nhằm loại trừ những nhiều (Nghị định 202/2004/NĐ-CP không phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này); Chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng và quỹ tín dụng đến tận nông thôn; Mở rộng đối tượng được hưởng chính sách cho vay không cần bảo đảm tài sản (tín chấp) nhằm thực hiện một số mục tiêu chính sách, xã hội.

- Về biện pháp dân sự, cần tiếp tục duy trì cơ chế lãi suất trong giao dịch dân sự ngoài lĩnh vực ngân hàng. Lãi suất trong giao dịch dân sự như hiện nay được thực hiện không vượt quá 150% lãi suất quy định của pháp luật (hiện nay là lãi suất cơ bản, 9%/năm). Tuy nhiên, thực tế lãi suất cơ bản quá thấp so với lãi suất TDNH. Chẳng hạn, cũng lãi suất cơ bản 9%/năm như NHNN công bố, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại có lúc lên đến 16-18%/năm, vì vậy, khi đưa ra mức lãi suất để chế tài, cần xem xét cơ cấu lãi suất một cách hợp lý. Theo chúng tôi, phần lãi suất vượt gấp 03 lần lãi suất cao nhất theo quy định của pháp

luật thì phải tịch thu sung công. Đối với phần lãi suất dưới tỷ lệ này phải điều chỉnh cho đúng theo hướng bảo đảm quyền lợi của người đi vay.

- Về xử lý hành chính, cần bổ sung quy định xử lý hành chính đối với hành vi cho vay nặng lãi và xem đây là hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội (nhằm tách bạch hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực TDNH). Đối với giao dịch cho vay lãi suất cao hơn mức lãi suất quy định của pháp luật từ 03 lần thì bị phạt tiền và phạt bổ sung, tịch thu sung công toàn bộ tiền lãi thu lợi bất chính. Quy định trên giao thẩm quyền xử lý cho các cơ quan tư pháp áp dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp tại các cơ quan công an, tư pháp xã phường hoặc tại Tòa án khi có đơn thư tố cáo, điều tra, hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp phát hiện.

- Về xử lý hình sự, cần sớm phát hiện xử lý ngăn chặn từ đầu những “băng nhóm” tín dụng “đen”, trước mắt chỉ áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Trường hợp tiếp tục sai phạm (sau khi đã bị xử lý hành chính lần thứ nhất) thì áp dụng BLHS xử lý và xem đây như tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có khung hình phạt đến 07 năm tù. Đối với quy định của pháp luật về tình tiết “*có tính chất chuyên bóc lột*”, Tòa án tối cao cần hướng dẫn cụ thể hơn và quy định thẳng vào BLHS để thuận lợi và thống nhất xử lý.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thái Sơn, Tội phạm tín dụng đen gia tăng, <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20121204/toi-pham-tin-dung-den-tang.aspx>

2. Nguyễn Văn Vân (2000), Một vài suy nghĩ về bản chất của Hợp đồng tín dụng ngân hàng, Tạp chí khoa học pháp lý số 03/2000, tr.26

3. Bản án sơ thẩm số 44/2012/DS-ST ngày 02/8/2012 của TAND quận 8 và Bản án phúc thẩm số 1417/2012/DS-PT ngày 29/11/2012 của TAND Tp.Hồ Chí Minh

4. Bản án số 503/2007/DS-ST ngày 28/3/2007 TAND Tp. Hồ Chí Minh.

5. Một số nguồn khác.